

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

**Xác minh việc cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 26 tháng 3 năm 2026. Tại bản Nà Vàng, xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu chúng tôi gồm có:

**A. Thành phần**

**I. Đại diện bản Nà Vàng**

- |                       |                                    |
|-----------------------|------------------------------------|
| 1. Ông: Xiền Văn Tiến | Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Trưởng bản |
| 2. Ông: Vàng Thị Sèo  | Chức vụ: Trưởng ban CTMT bản       |
| 3. Ông: Vàng Văn Sinh | Chức vụ: Tổ trưởng Tổ ANCS bản     |

**II. Đại diện các hộ dân**

- |   |  |
|---|--|
| 1. Bà: Lò Thị Quay (vợ Vui Văn Cai)           | 9. Ông: Vàng Văn Mộc                   |
| 2. Ông: Vui Văn Lập (con trai Vui Văn Chang)  | 10. Dị Thị Mười (vợ Vàng Văn Phân)     |
| 3. Ông: Vui Văn Giang                         | 11. Bà: Vàng Thị Ngắm (vợ Hà Văn Páo)  |
| 4. Ông: Hồ Văn Húi                            | 12. Bà: Vàng Thị Seo (vợ Vàng Văn Súi) |
| 5. Bà: Vàng Thị Liên (vợ Vàng Văn Kín)        | 13. Ông: Hồ Văn Siêng                  |
| 6. Bà: Lừ Thị Chăm (vợ Vui Văn Lấn)           | 14. Ông: Vui Văn Siêng                 |
| 7. Ông : Vàng Văn Dìn (con trai Vàng Thị Lai) | 15. Ông: Lừ Văn Tỉnh                   |
| 8. Bà: Vàng Thị Phừa (vợ Liêng Văn Lù)        | 16. Vàng Thị Hoan (vợ Dì Đình Văn)     |

**B. Nội dung**

Tiến hành xác minh việc cấp GCNQSD đất theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ cho 22 hộ gia đình, cá nhân bản Nà Vàng, xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 1 tại Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ.

*(Có danh sách kèm theo)*

**\* Kết quả kiểm tra**

Theo Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ thì thửa đất số 238 tờ bản đồ số 1 được cấp GCNQSD đất cho 22 hộ gia đình, cá nhân: Vui Văn Cai (vợ Lò Thị Quay), Lò Văn Chi (vợ Vàng thị Tắm), Vui Văn Chang (vợ Nguyễn Thị Chắt), Siêng Văn Chén (vợ

Lò Thị Ní), Vui Văn Giang (vợ Phạm Thị Thắm), Hồ Văn Hủi (vợ Lò Thị Ngải), Vàng Văn Ký (vợ Vui Thị Kiều), Vàng Văn Kín (vợ Vàng Thị Liên), Vui Văn Lân (vợ Liu Thị Chăm), Vàng Thị Lai (chồng: Vàng Văn Tấn), Liêng Văn Lù (vợ Liêng Thị Púa), Hồ Thị Mệt, Di Văn Mìn (vợ Vàng Thị Dăm), Vàng Văn Mục (vợ Sần Thị Hoa), Vàng Văn Phân (vợ Di Thị Mười), Hà Văn Páo (vợ Vàng Thị Ngắm), Vàng Văn Sính (vợ Vàng Thị Kiều), Vàng Văn Súi (vợ Vàng Thị Seo), Hồ Văn Siêng (vợ Lò Thị Luôi), Vui Văn Siêng (vợ Xù Thị Đàng), Liu Văn Tinh (vợ Liu Thị Tén), Di Đình Văn (vợ Vàng Thị Hoan) quản lý, sử dụng.

Qua kiểm tra, rà soát danh sách nhân khẩu của bản Nà Vàng từ trước năm 2002, năm 2002 (thời điểm cấp GCNQSD đất) và đến thời điểm hiện tại thì trong bản Nà Vàng không có 06 hộ gia đình có tên là: Lò Văn Chi (vợ Vàng Thị Tắm), Siêng Văn Chén (vợ Lò Thị Ní), Vàng Văn Ký (vợ Vui Thị Kiều), Hồ Thị Mệt, Di Văn Mìn (vợ Vàng Thị Dăm), Vàng Văn Sính (vợ Vàng Thị Kiều); chỉ có 16 hộ là: Vui Văn Cai (vợ Lò Thị Quay), Vui Văn Chang (vợ Nguyễn Thị Chắt), Vui Văn Giang (vợ Phạm Thị Thắm), Hồ Văn Hủi (vợ Lò Thị Ngải), Vàng Văn Kín (vợ Vàng Thị Liên), Vui Văn Lân (vợ Liu Thị Chăm), Vàng Thị Lai (chồng: Vàng Văn Tấn), Liêng Văn Lù (vợ Liêng Thị Púa), Vàng Văn Mục (vợ Sần Thị Hoa), Vàng Văn Phân (vợ Di Thị Mười), Hà Văn Páo (vợ Vàng Thị Ngắm), Vàng Văn Súi (vợ Vàng Thị Seo), Hồ Văn Siêng (vợ Lò Thị Luôi), Vui Văn Siêng (vợ Xù Thị Đàng), Liu Văn Tinh (vợ Liu Thị Tén), Di Đình Văn (vợ Vàng Thị Hoan) trong danh sách 22 người tại Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ.

**\* Ý kiến của các bên tham gia**

- **Ý kiến 16 hộ:** *Vui Văn Cai (vợ Lò Thị Quay), Vui Văn Chang (vợ Nguyễn Thị Chắt), Vui Văn Giang (vợ Phạm Thị Thắm), Hồ Văn Hủi (vợ Lò Thị Ngải), Vàng Văn Kín (vợ Vàng Thị Liên), Vui Văn Lân (vợ Liu Thị Chăm), Vàng Thị Lai (chồng: Vàng Văn Tấn), Liêng Văn Lù (vợ Liêng Thị Púa), Vàng Văn Mục (vợ Sần Thị Hoa), Vàng Văn Phân (vợ Di Thị Mười), Hà Văn Páo (vợ Vàng Thị Ngắm), Vàng Văn Súi (vợ Vàng Thị Seo), Hồ Văn Siêng (vợ Lò Thị Luôi), Vui Văn Siêng (vợ Xù Thị Đàng), Liu Văn Tinh (vợ Liu Thị Tén), Di Đình Văn (vợ Vàng Thị Hoan) cấp GCNQSD đất:*

+ 16 hộ gia đình chúng tôi được UBND huyện cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 để sử dụng vào mục đích đất lâm nghiệp tại thửa đất số 238 tờ bản đồ số 1. Từ khi được giao gia đình chúng tôi thường xuyên chăm sóc, bảo vệ đúng mục đích; do trong quá trình khai tên, tuổi có sự sai sót theo trong sổ mục kê đất đai, chúng tôi đề nghị cơ quan chức năng xác nhận cho chúng tôi đúng theo chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân đã được cấp.

+ Theo danh sách cấp GCNQSD đất của UBND huyện Phong Thổ cũ là cấp cho 22 hộ, nhưng thực tế chỉ có 16 hộ gia đình chúng tôi, trong bản không có 06 hộ gia đình có tên là: Lò Văn Chi (vợ Vàng Thị Tắm), Siêng Văn Chén (vợ Lò Thị Ní), Vàng Văn Ký (vợ Vui Thị Kiều), Hồ Thị Mệt, Di Văn Mìn (vợ Vàng Thị Dăm), Vàng Văn Sính (vợ Vàng Thị Kiều).

+ Hiện tại 16 hộ gia đình chúng tôi không còn nhu cầu sử dụng đối với diện tích 8.272,5 m<sup>2</sup> của thửa đất trên nên thống nhất trả lại cho Nhà nước để phục vụ mục đích xây dựng các công trình nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Gia đình chúng tôi xin cam đoan tất cả nội dung trên là đúng sự thật và việc trả lại đất của gia đình tôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, chúng tôi sẽ có đơn trả lại gửi đến các cơ quan có thẩm quyền.

**- Ý kiến ông Xiển Văn Tiên - Bí thư Chi bộ, Trưởng bản:**

+ Trong bản Nà Vàng từ trước năm 2002, năm 2002 (thời điểm cấp GCNQSD đất) và đến thời điểm hiện tại không có 06 hộ gia đình có tên là: Lò Văn Chi (vợ Vàng Thị Tắm), Siêng Văn Chén (vợ Lò Thị Ní), Vàng Văn Ký (vợ Vui Thị Kiều), Hồ Thị Mệt, Di Văn Mìn (vợ Vàng Thị Dăm), Vàng Văn Sính (vợ Vàng Thị Kiều) như trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Về tên, tuổi, năm sinh của các hộ dân trong Quyết định cấp GCNQSD đất số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ và hiện tại có sự sai khác, nhưng đều đúng chủ hộ được cấp GCNQSD đất, cụ thể:

+ Hộ ông Vui Văn Cai, sinh năm 1966 và vợ Lò Thị Quay: Đúng tên trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vui Văn Cai đã chết, đất do vợ là Lò Thị Quay quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Vui Văn Chang, sinh năm 1970 và vợ Nguyễn Thị Chắt: Đúng tên trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vui Văn Chang và bà Nguyễn Thị Chắt đã chết, đất do con trai là Vui Văn Lập quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Vui Văn Giang, sinh năm 1964 và vợ Phạm Thị Thắm: Đúng tên trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ.

+ Hộ ông Hồ Văn Hùi, sinh năm 1970 và vợ Lò Thị Ngải: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Năm sinh của ông Hồ Văn Hùi theo CCCD là năm 1969 và bà Lò Thị Ngải theo CCCD là năm 1966.

+ Hộ ông Vàng Văn Kín, sinh năm 1970 và vợ Vàng Thị Liên: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vàng Văn Kín đã chết, tên vợ theo CCCD là Vàng Thị Liên.

+ Hộ ông Vui Văn Lán, sinh năm 1932 và vợ Lưu Thị Chăm: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vui Văn Lán đã chết; đất do vợ quản lý, sử dụng và tên, năm sinh của vợ theo CCCD là Lưu Thị Chăm, sinh năm 1936.

+ Hộ bà Vàng Thị Lai, sinh năm 1945 và chồng Vàng Văn Tấn: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Bà Vàng Thị Lai và ông Vàng Văn Tấn đã chết, đất do con trai là Vàng Văn Dìn quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Liêng Văn Lù, sinh năm 1959 và vợ Liêng Thị Pú: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong

Thổ cũ. Tên và năm sinh của vợ theo CCCD là Vàng Thị Phỡa, sinh năm 1958. Ông Liờng Văn Lù đã chết, đất do vợ là bà Vàng Thị Phỡa quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Vàng Văn Mục, sinh năm 1964 và vợ Sần Thị Hoa: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên chồng theo CCCD là Vàng Văn Mục, sinh năm 1961 và tên vợ theo CCCD là bà Sần Thị Hoa, sinh năm 1965.

+ Hộ ông Vàng Văn Phấn, sinh năm 1956 và vợ Di Thị Mười: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên vợ theo CCCD là bà Di Thị Mười, sinh năm 1949. Ông Vàng Văn Phấn đã chết đất do vợ là bà Di Thị Mười quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Hà Văn Páo, sinh năm 1963 và vợ Vàng Thị Ngắmm: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên chồng là Hà Văn Páo và tên vợ theo CCCD là bà Vàng Thị Ngắmm, năm sinh 1973. Ông Hà Văn Páo đã chết, đất do vợ là bà Vàng Thị Ngắmm quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Vàng Văn Súi, sinh năm 1963 và vợ Vàng Thị Seo: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vàng Văn Súi đã chết, đất do vợ là bà Vàng Thị Seo quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Hồ Văn Siờng, sinh năm 1969 và vợ Lò Thị Luỏi: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Năm sinh của ông Hồ Văn Siờng theo CCCD là năm 1967 và của vợ theo CCCD là bà Lò Thị Lười, sinh năm 1969.

+ Hộ ông Vui Văn Siờng, sinh năm 1957 và vợ Xù Thị Đắng: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên, năm sinh của vợ theo CCCD là Su Thị Đắng, sinh năm 1959.

+ Hộ ông Liu Văn Tinh, sinh năm 1969 và vợ Liu Thị Tén: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên, năm sinh của chồng theo CCCD là Lừu Văn Tinh, sinh năm 1966 và của vợ theo CCCD là Lừu Thị Tén, sinh năm 1971.

+ Hộ ông Di Đính Văn, sinh năm 1970 và vợ Vàng Thị Hoan: Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên, năm sinh của vợ theo CCCD là bà Vàng Thị Hoan, sinh năm 1974. Ông Di Đính Văn đã chết, đất do vợ là bà Vàng Thị Hoan quản lý, sử dụng.

**- Ý kiến ông: Vàng Văn Sinh Tổ trưởng Tổ ANCS bản:**

Theo Hồ sơ quản lý nhân khẩu của Công an xã và dữ liệu dân cư Quốc gia thì bản Nà Vàng từ trước đến nay không có 06 hộ gia đình có tên là: Lò Văn Chi (vợ Vàng Thị Tắmm), Siờng Văn Chén (vợ Lò Thị Ní), Vàng Văn Ký (vợ Vui Thị Kiờu), Hồ Thị Mẹt, Di Văn Mìn (vợ Vàng Thị Đắmm), Vàng Văn Sính (vợ Vàng Thị Kiờu) như trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Thông tin cá nhân của 16 hộ dân được cấp GCNQSD đất, cụ thể như sau:

Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và bà Sân Thị Hoa theo CCCD sinh năm 1965; Số CCCD: 012165004120; Cấp ngày: 13/9/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

+ Ông Vàng Văn Phân, sinh năm 1956 và vợ Di Thị Mười. Đứng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Bà Di Thị Mười theo CCCD sinh năm 1949; Số CCCD: 012149002310; Cấp ngày: 07/06/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội là đúng. Ông Vàng Văn Phân đã chết.

+ Ông Hà Văn Páo, sinh năm 1963 và vợ Vàng Thị Ngắm. Đứng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Hà Văn Páo có họ là Hù Văn Páo và bà Vàng Thị Ngắm theo CCCD sinh năm 1973; Số CCCD: 012173003520; Cấp ngày: 29/09/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ông Hù Văn Páo đã chết.

+ Ông Vàng Văn Súi, sinh năm 1963 và vợ Vàng Thị Seo. Đứng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Bà Vàng Thị Seo có số CCCD: 012165003063; Cấp ngày: 25/01/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ông Vàng Văn Súi đã chết.

+ Ông Hồ Văn Siêng, sinh năm 1969 và vợ Lò Thị Luôi. Đứng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Hồ Văn Siêng tên, năm sinh theo CCCD là Hồ Văn Siêng sinh năm 1967; Số CCCD: 012067004081; Cấp ngày: 29/09/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và bà Lò Thị Luôi tên, năm sinh theo CCCD là Lò Thị Lười sinh năm 1969; Số CCCD: 012169000982; Cấp ngày: 14/09/2024; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

+ Ông Vui Văn Siêng, sinh năm 1957 và vợ Xù Thị Đảng. Đứng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vui Văn Siêng có số CCCD: 012057002007; Cấp ngày: 11/08/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và vợ Xù Thị Đảng sinh năm 1955 họ, tên, năm sinh theo CCCD là Su Thị Đảng sinh năm 1959; Số CCCD: 012159002495; Cấp ngày: 24/06/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

+ Ông Lìu Văn Tĩnh, sinh năm 1969 và vợ Lìu Thị Tén. Đứng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Lìu Văn Tĩnh họ, tên, năm sinh theo CCCD là Lừ Văn Tĩnh sinh năm 1966; Số CCCD: 012066005038; Cấp ngày: 17/12/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và bà Lìu Thị Tén họ, tên, năm sinh theo CCCD là Lừ Thị Tén sinh năm 1971; Số CCCD: 012171004279; Cấp ngày: 12/08/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

+ Ông Di Đình Văn, sinh năm 1970 và vợ Vàng Thị Hoan. Đứng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Năm sinh của bà Vàng Thị Hoan theo CCCD bà Vàng Thị Hoan là năm 1974; Số CCCD: 012174002632; Cấp ngày: 12/08/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ông Di Đình Văn đã chết không.

### C. Nội dung thống nhất

Sau khi nghe các ý kiến, cuộc họp đi đến thống nhất như sau:

- Qua kiểm tra, rà soát danh sách nhân khẩu của bản Nà Vàng từ trước năm 2002, năm 2002 (thời điểm cấp GCNQSD đất) và đến thời điểm hiện tại thì trong bản Nà Vàng không có 06 hộ gia đình có tên là: Lò Văn Chi (vợ Vàng Thị Tấm), Siêng Văn Chén (vợ Lò Thị Ní), Vàng Văn Ký (vợ Vui Thị Kiều), Hồ Thị Mệt, Di Văn Min (vợ Vàng Thị Dăm), Vàng Văn Sinh (vợ Vàng Thị Kiều); chỉ có 16 hộ là: Vui Văn Cai (vợ Lò Thị Quay), Vui Văn Chang (vợ Nguyễn Thị Chất), Vui Văn Giang (vợ Phạm Thị Thắm), Hồ Văn Hủi (vợ Lò Thị Ngải), Vàng Văn Kín (vợ Vàng Thị Liền), Vui Văn Lấn (vợ Liu Thị Chấm), Vàng Thị Lai (chồng: Vàng Văn Tấn), Liêng Văn Lù (vợ Liêng Thị Pừa), Vàng Văn Mục (vợ Sần Thị Hoa), Vàng Văn Phân (vợ Di Thị Mười), Hà Văn Páo (vợ Vàng Thị Ngám), Vàng Văn Súi (vợ Vàng Thị Seo), Hồ Văn Siêng (vợ Lò Thị Luồi), Vui Văn Siêng (vợ Xù Thị Đàng), Liu Văn Tinh (vợ Liu Thị Tén), Di Đình Văn (vợ Vàng Thị Hoan) trong danh sách 22 người tại Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ.

- Về tên, tuổi, năm sinh của các hộ dân trong Quyết định cấp GCNQSD đất số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ và hiện tại có sự sai khác, nhưng đều đúng chủ hộ được cấp GCNQSD đất, cụ thể:

+ Hộ ông Vui Văn Cai, sinh năm 1966 (vợ Lò Thị Quay): Đúng tên trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vui Văn Cai đã chết, đất do vợ là Lò Thị Quay quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Vui Văn Chang, sinh năm 1970 (vợ Nguyễn Thị Chất): Đúng tên trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vui Văn Chang và bà Nguyễn Thị Chất đã chết, đất do con trai là Vui Văn Lập quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Vui Văn Giang, sinh năm 1964 (vợ Phạm Thị Thắm): Đúng tên trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ.

+ Hộ ông Hồ Văn Hủi, sinh năm 1970 (vợ Lò Thị Ngải): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Năm sinh của ông Hồ Văn Hủi theo CCCD là năm 1969 và bà Lò Thị Ngải theo CCCD là năm 1966.

+ Hộ ông Vàng Văn Kín, sinh năm 1970 (vợ Vàng Thị Liền): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vàng Văn Kín đã chết, tên vợ theo CCCD là Vàng Thị Liền.

+ Hộ ông Vui Văn Lấn, sinh năm 1932 (vợ Liu Thị Chấm): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vui Văn Lấn đã chết; đất do vợ quản lý, sử dụng và tên, năm sinh của vợ theo CCCD là Liu Thị Chấm, sinh năm 1936.

+ Hộ bà Vàng Thị Lai, sinh năm 1945 (chồng: Vàng Văn Tấn): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong

Thổ cũ. Bà Vàng Thị Lai và ông Vàng Văn Tấn đã chết, đất do con trai là Vàng Văn Dìn quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Liềng Văn Lù, sinh năm 1959 (vợ Liềng Thị Pú): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên và năm sinh của vợ theo CCCD là Vàng Thị Phỡ, sinh năm 1958. Ông Liềng Văn Lù đã chết, đất do vợ là bà Vàng Thị Phỡ quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Vàng Văn Mộc, sinh năm 1964 (vợ Sần Thị Hoa): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên chồng theo CCCD là Vàng Văn Mộc, sinh năm 1961 và tên vợ theo CCCD là bà Sần Thị Hoa, sinh năm 1965.

+ Hộ ông Vàng Văn Phân, sinh năm 1956 (vợ Dì Thị Mười): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên vợ theo CCCD là bà Dì Thị Mười, sinh năm 1949. Ông Vàng Văn Phân đã chết đất do vợ là bà Dì Thị Mười quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Hà Văn Páo, sinh năm 1963 (vợ Vàng Thị Ngắm): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Thực tế tên chồng là Hù Văn Páo và tên vợ theo CCCD là bà Vàng Thị Ngắm, năm sinh 1973. Ông Hù Văn Páo đã chết, đất do vợ là bà Vàng Thị Ngắm quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Vàng Văn Súi, sinh năm 1963 (vợ Vàng Thị Seo): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Ông Vàng Văn Súi đã chết, đất do vợ là bà Vàng Thị Seo quản lý, sử dụng.

+ Hộ ông Hồ Văn Siêng, sinh năm 1969 (vợ Lò Thị Luồi): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Năm sinh của ông Hồ Văn Siêng theo CCCD là năm 1967 và của vợ theo CCCD là bà Lò Thị Lười, sinh năm 1969.

+ Hộ ông Vui Văn Siêng, sinh năm 1957 (vợ Xù Thị Đàng): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên, năm sinh của vợ theo CCCD là Su Thị Đàng, sinh năm 1959.

+ Hộ ông Lìu Văn Tỉnh, sinh năm 1969 (vợ Lìu Thị Tén): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên, năm sinh của chồng theo CCCD là Lìu Văn Tỉnh, sinh năm 1966 và của vợ theo CCCD là Lìu Thị Tén, sinh năm 1971.

+ Hộ ông Dì Đình Văn, sinh năm 1970 (vợ Vàng Thị Hoan): Đúng chủ hộ trong Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ. Tên, năm sinh của vợ theo CCCD là bà Vàng Thị Hoan, sinh năm 1974. Ông Dì Đình Văn đã chết, đất do vợ là bà Vàng Thị Hoan quản lý, sử dụng.

- Thông tin tên, năm sinh, số, ngày tháng năm cấp CCCD cụ thể theo ý kiến của Tổ trưởng Tổ ANCS nêu trên.

- 16 hộ gia đình nếu không còn nhu cầu sử dụng toàn bộ hoặc một phần của thửa đất trên đề nghị làm đơn trả lại đất cho Nhà nước quản lý, sử dụng theo quy định; đối với 06 hộ gia đình cấp GCNQSD đất không đúng đối tượng, Ban Quản lý bản sẽ báo cáo UBND xã để xử lý theo quy định.

- Biên bản lập xong vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày, được thông qua cho mọi người cùng nghe và thống nhất ký tên dưới đây. Biên bản được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau làm cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BẢN  
NÀ VÀNG**

**Xiên Văn Tiến**

**ĐẠI DIỆN TỔ ANCS  
BẢN NÀ VÀNG**

**Vàng Văn Sinh**

**ĐẠI DIỆN CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN**

(1)

**Lò Thị Quay**

(4)

**Vui Văn Húi**

(7)

**Vàng Văn Dìn**

(10)

**Vàng Thị Ngắm**

(13)

**Vui Văn Siêng**

(16)

**Vàng Thị Hoan**

(2)

**Vui Văn Lập**

(5)

**Vàng Thị Liên**

(8)

**Vàng Thị Phừa**

(11)

**Vàng Thị Seo**

(14)

**Lừ Văn Tinh**

(3)

**Vui Văn Giang**

(6)

**Lừ Thị Chăm**

(9)

**Vàng Văn Mực**

(12)

**Hồ Văn Siêng**

(15)

**Dì Thị Mươi**

1891. The first year of the year 1891 was a very dry one, and the crops were much injured. The weather was very hot and dry, and the crops were much injured. The weather was very hot and dry, and the crops were much injured.

Fig. 1



Fig. 2



Fig. 3



Fig. 4



Fig. 5



Fig. 6



Fig. 7



Fig. 8



Fig. 9



Fig. 10



Fig. 11



Fig. 12



Fig. 13



Fig. 14



Fig. 15



Fig. 16



Fig. 17



Fig. 18



**DANH SÁCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN  
TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 41/QĐ-UB NGÀY 21/10/2002 CỦA UBND HUYỆN PHONG THỒ**

*(Kèm theo Biên bản làm việc ngày 26 tháng 3 năm 2026)*

STT	Tên chủ hộ	Năm sinh	Tên vợ (chồng)	Địa chỉ thường trú	Tờ bản đồ số	Số thửa	Quyết định giao đất	Số vào sổ cấp GCN	Tổng diện tích đất được giao tại thửa số 238 (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Vùi Văn Cai	1966		Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(1)	Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 21/10/2002	176	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
2	Lò Văn Chi (không có trong bản)	1963	Vàng Thị Tắm	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(2)		177	35,515.0	RTnP	Không đúng đối tượng sử dụng đất
3	Vùi Văn Chang	1970	Nguyễn Thị Chắt	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(3)		178	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
4	Siêng Văn Chén (không có trong bản)	1973	Lò Thị Ni	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(4)		180	35,515.0	RTnP	Không đúng đối tượng sử dụng đất
5	Vùi Văn Giang	1964	Phạm Thị Thắm	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(5)		185	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
6	Hồ Văn Hủi	1970	Lò Thị Ngải	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(6)		186	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
7	Vàng Văn Ký (không có trong bản)	1977	Vùi Thị Kiều	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(7)		189	35,515.0	RTnP	Không đúng đối tượng sử dụng đất
8	Vàng Văn Kín	1970	Vàng Thị Liên	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(8)		191	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
9	Vùi Văn Lấn	1932	Liu Thị Chấm	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(9)		193	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
10	Vàng Thị Lai	1945		Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(10)		194	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
11	Liêng Văn Lù	1959	Liêng Thị Pứa	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(11)		195	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất

STT	Tên chủ hộ	Năm sinh	Tên vợ (chồng)	Địa chỉ thường trú	Tờ bản đồ số	Số thửa	Quyết định giao đất	Số vào sổ cấp GCN	Tổng diện tích đất được giao tại thửa số 238 (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng	Ghi chú
12	Hồ Thị Met (không có trong bản)	1939		Bản Nà Vàng, xã, Khổng Lào	1	238(12)	21/10/2002 của UBND huyện Phong Thổ cũ	196	35,515.0	RTnP	Không đúng đối tượng sử dụng đất
13	Di Văn Mìn (không có trong bản)	1948	Vàng Thị Dăm	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(13)		197	35,515.0	RTnP	Không đúng đối tượng sử dụng đất
14	Vàng Văn Mục	1964	Sần Thị Hoa	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(14)		198	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
15	Vàng Văn Phân	1956	Di Thị Mười	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(15)		201	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
16	Hà Văn Páo	1963	Vàng Thị Ngắm	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(16)		202	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
17	Vàng Văn Sinh (không có trong bản)	1964	Vàng Thị Kiều	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(17)		205	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
18	Vàng Văn Súi	1963	Vàng Thị Seo	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(18)		206	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
19	Hồ Văn Siêng	1969	Lò Thị Luôi	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(19)		207	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
20	Vùi Văn Siêng	1957	Xù Thị Đàng	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(20)		209	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
21	Liu Văn Tinh	1969	Liu Thị Tén	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(21)		214	35,515.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
22	Di Đình Văn	1970	Vàng Thị Hoan	Bản Nà Vàng, xã Khổng Lào	1	238(22)		219	35,522.0	RTnP	Tự nguyện trả lại đất
<b>Tổng</b>			<b>22 hộ</b>							<b>781,337.0</b>	

**DANH SÁCH XÁC MINH THÔNG TIN CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GCNQSD ĐẤT  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 163/NĐ-CP TẠI BẢN NÀ VÀNG, XÃ KHỔNG LÀO**

(Kèm theo Biên bản làm việc ngày 26 tháng 3 năm 2026)

Thông tin theo hồ sơ giao đất Nghị định số 163/NĐ-CP của Chính phủ				Thông tin kiểm tra, rà soát			Nội dung sai khác giữa hồ sơ và thực tế	Ghi chú
STT	Tên chủ hộ	Năm sinh	Tên vợ (chồng)	Tên chủ hộ	Năm sinh	Tên vợ (chồng)		
1	Vùi Văn Cai	1966		Vùi Văn Cai	1966	Lò Thị Quay		Vùi Văn Cai (đã chết)
2	Lò Văn Chi	1963	Vàng Thị Tấm	Lò Văn Chi	1963	Vàng Thị Tấm		Không có trong bản
3	Vùi Văn Chang	1970	Nguyễn Thị Chắt	Vùi Văn Chang	1970	Nguyễn Thị Chắt	Sai tên vợ	Vùi Văn Chang và Nguyễn thị Chắt (đã chết)
4	Siêng Văn Chén	1973	Lò Thị Ni	Siêng Văn Chén	1973	Lò Thị Ni		Không có trong bản
5	Vùi Văn Giang	1964	Phạm Thị Thắm	Vùi Văn Giang	1964	Phạm Thị Thắm		
6	Hồ Văn Hùi	1970	Lò Thị Ngái	Hồ Văn Hùi	1969	Lò Thị Ngái	Sai năm sinh chồng	
7	Vàng Văn Ký	1977	Vùi Thị Kiều	Vàng Văn Ký	1977	Vùi Thị Kiều		Không có trong bản
8	Vàng Văn Kín	1970	Vàng Thị Liễu	Vàng Văn Kín	1970	Vàng Thị Liễu	Sai tên vợ	Vàng Văn Kín (đã chết)
9	Vùi Văn Lấn	1932	Liu Thị Chăm	Vùi Văn Lấn	1932	Lừ Thị Chăm	Sai tên vợ	Vùi Văn Lấn (đã chết)
10	Vàng Thị Lai	1945		Vàng Thị Lai	1945			Vàng Thị Lai (đã chết)
11	Liềng Văn Lù	1959	Liềng Thị Pừa	Liềng Văn Lù	1959	Vàng Thị Pừa	Sai tên vợ	Liềng Văn Lù (đã chết)
12	Hồ Thị Mệt	1939		Hồ Thị Mệt (không có trong bản)	1939			Không có trong bản
13	Dì Văn Mìn	1948	Vàng Thị Dăm	Dì Văn Mìn	1948	Vàng Thị Dăm		Không có trong bản

Thông tin theo hồ sơ giao đất Nghị định số 163/NĐ-CP của Chính phủ				Thông tin kiểm tra, rà soát			Nội dung sai khác giữa hồ sơ và thực tế	Ghi chú
STT	Tên chủ hộ	Năm sinh	Tên vợ (chồng)	Tên chủ hộ	Năm sinh	Tên vợ (chồng)		
14	Vàng Văn Mộc	1964	Sần Thị Hoa	Vàng Văn Mộc	1961	Sần Thị Hoa	Sai tên, năm sinh chồng	
15	Vàng Văn Phân	1956	Di Thị Mười	Vàng Văn Phân	1956	Di Thị Mười		Vàng Văn Phân (đã chết)
16	Hà Văn Páo	1963	Vàng Thị Ngắm	Hù Văn Páo	1963	Vàng Thị Ngắm	Sai tên chồng	Hù Văn Páo (đã chết)
17	Vàng Văn Sinh	1964	Vàng Thị Kiều	Vàng Văn Sinh	1964	Vàng Thị Kiều		Không có trong bản
18	Vàng Văn Súi	1963	Vàng Thị Seo	Vàng Văn Súi	1963	Vàng Thị Seo		Vàng Văn Súi (đã chết)
19	Hồ Văn Siêng	1969	Lò Thị Luối	Hồ Văn Siêng	1967	Lò Thị Lười	Sai năm sinh chồng và tên vợ	
20	Vùi Văn Siêng	1957	Xù Thị Đàng	Vùi Văn Siêng	1957	Su Thị Đàng	Sai tên vợ	
21	Liu Văn Tinh	1969	Liu Thị Tén	Lừu Văn Tinh	1966	Lừu Thị Tén	Sai tên, năm sinh chồng và tên vợ	
22	Di Đình Văn	1970	Vàng Thị Hoan	Di Đình Văn	1970	Vàng Thị Hoan		Di Đình Văn (đã chết)
<b>Tổng</b>								